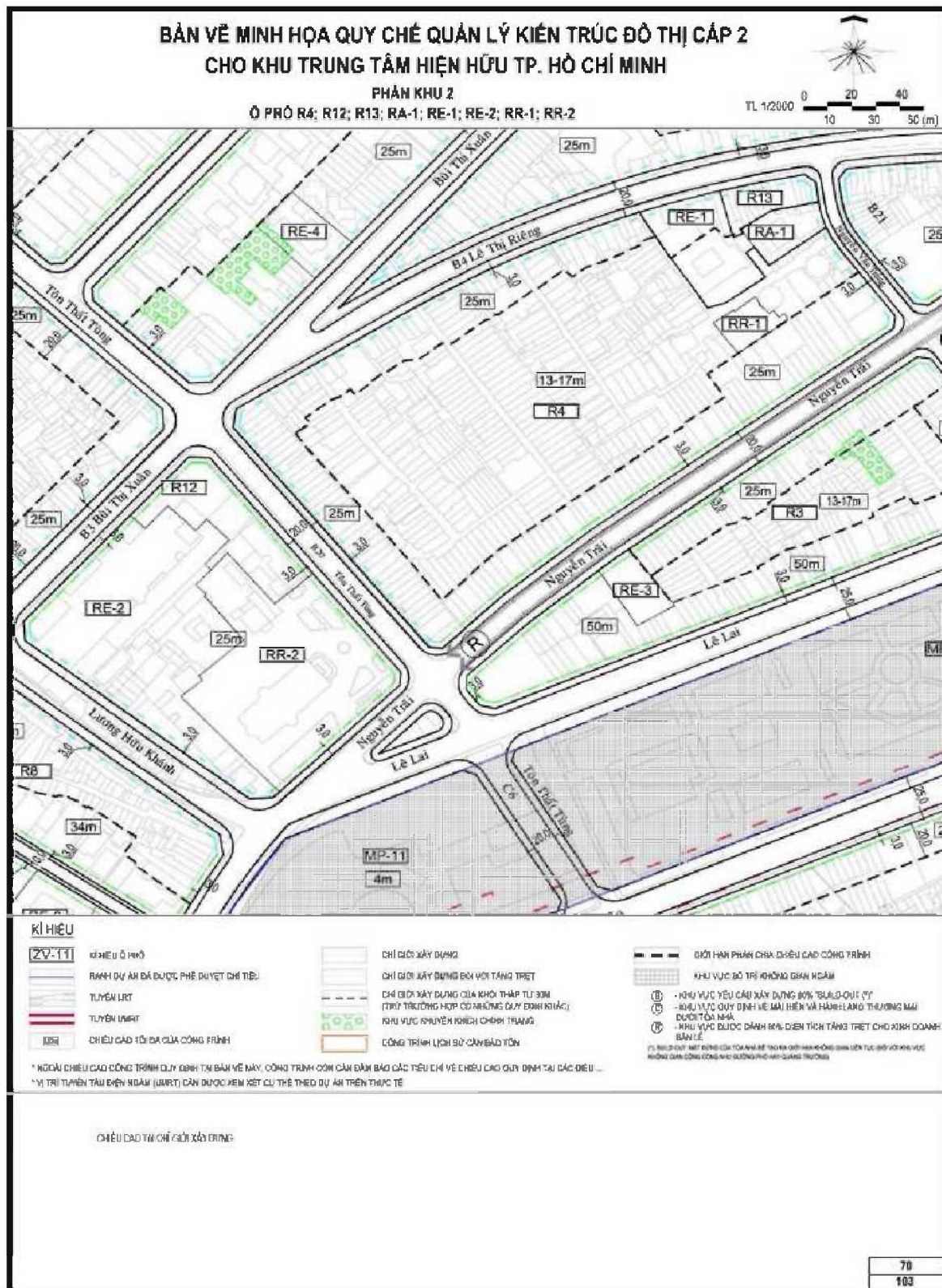




71. QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ R10**I. Ô PHỐ R10**

1. Ký hiệu ô phố: R10

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Thị Minh Khai, Lương Hữu Khánh, Bùi Thị Xuân, Tôn Thất Tùng

3. Diện tích ô phố khoảng: 26.807,37 m²

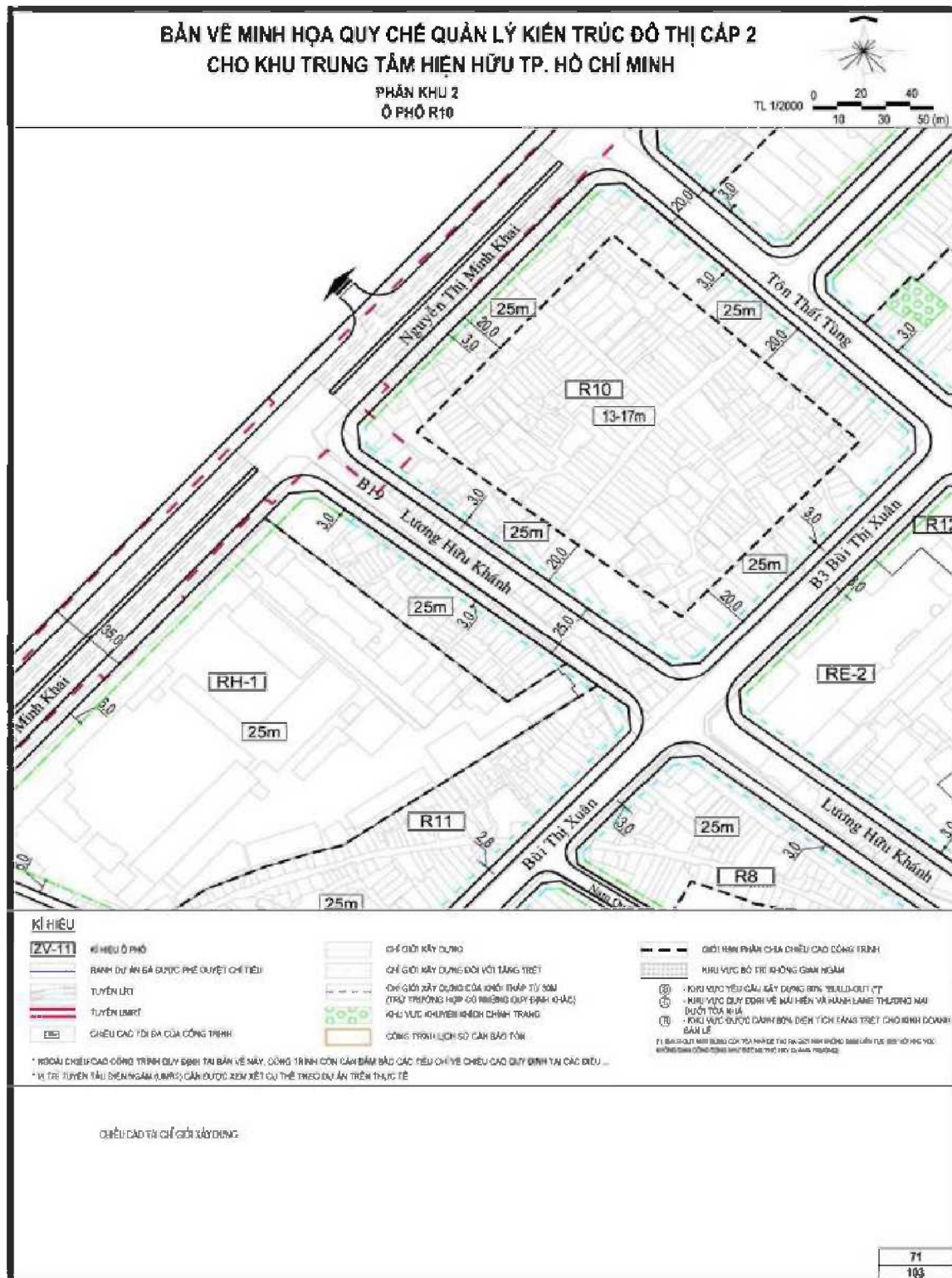
4. Dân số cho toàn ô phố: 1.640 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 30 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 3,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Tổng HSSDD lô đất không quá 10

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.



QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ R11, RH-1**I. Ô PHỐ R11**

1. Ký hiệu ô phố: R11

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Thị Minh Khai, Cống Quỳnh, Bùi Thị Xuân, Lương Hữu Khánh

Ô phố: RH-1

3. Diện tích ô phố khoảng: 13.020,82 m²

4. Dân số cho toàn ô phố: 1.210 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 50 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 4

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Tổng HSSDD lô đất không quá 10

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

8. Các quy định khác: Xem thêm tại Chương III - Điều 37, Điều 50

II. Ô PHỐ RH-1

1. Ký hiệu ô phố: RH-1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Thị Minh Khai, Cống Quỳnh, Lương Hữu Khánh

Ô phố: R11

3. Diện tích ô phố khoảng: 22.080,73 m²

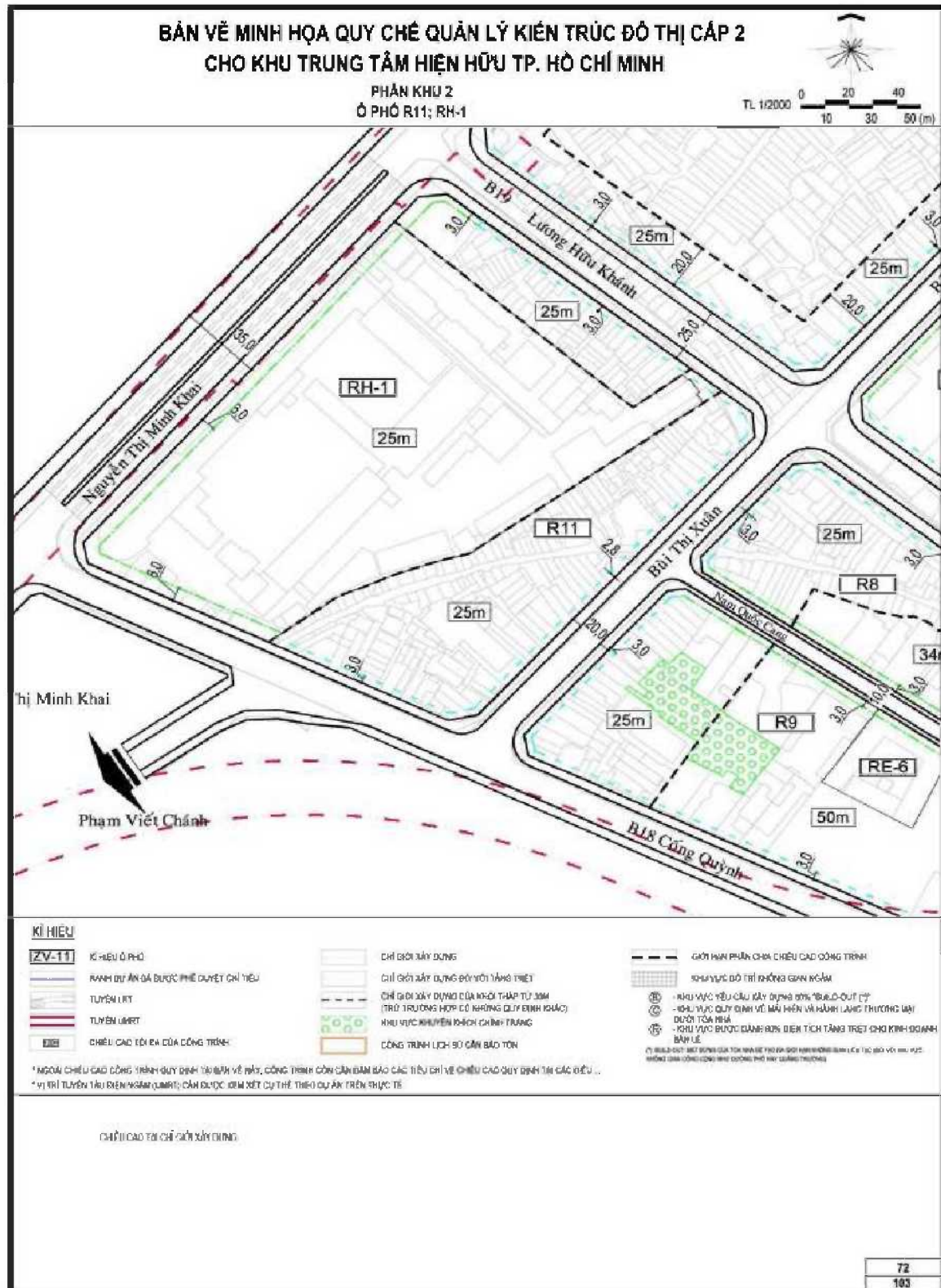
4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 30 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 3,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Tổng HSSDD lô đất không quá 10

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.



QUY ĐỊNH CU THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ R8, R9, RE-6**I. Ô PHỐ R8**

1. Ký hiệu ô phố: R8
2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: Bùi Thị Xuân, Nguyễn Trãi, Nam Quốc Cang, Lương Hữu Khánh
3. Diện tích ô phố khoảng: 10.581,33 m²
4. Dân số cho toàn ô phố: 650 người
5. Chiều cao tối đa ô phố: 30 m
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 3,0
Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Tổng HSSDD lô đất không quá 10
7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

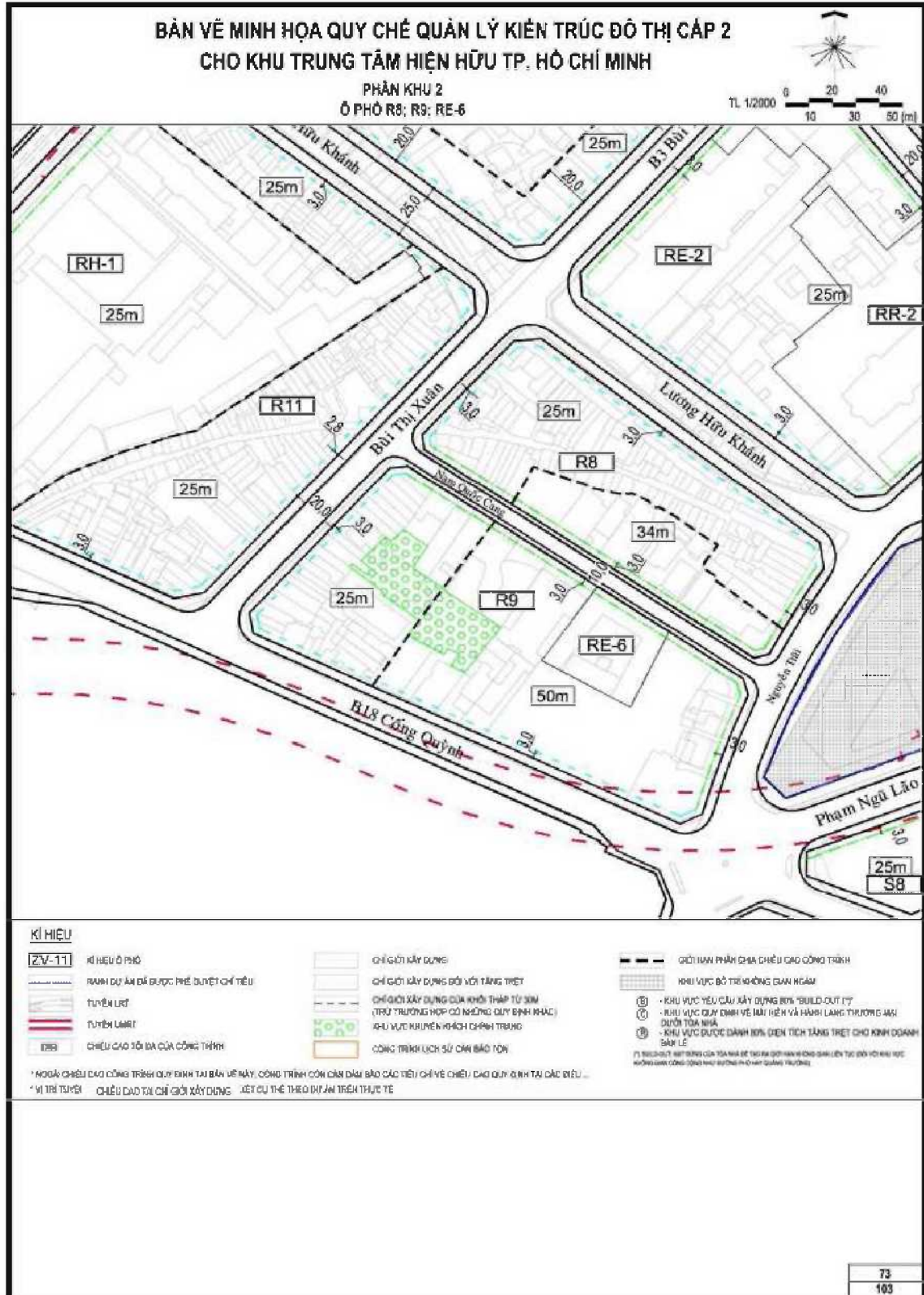
II. Ô PHỐ R9

1. Ký hiệu ô phố: R9
2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: Bùi Thị Xuân, Cống Quỳnh, Nguyễn Trãi, Nam Quốc Cang
Ô phố: RE-6
3. Diện tích ô phố khoảng: 14.512,16 m²
4. Dân số cho toàn ô phố: 1.180 người
5. Chiều cao tối đa ô phố: 50 m
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 4,0
Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Tổng HSSDD lô đất không quá 10
7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ RE-6

1. Ký hiệu ô phố: RE-6
2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: Nam Quốc Cang
Ô phố: R9
3. Diện tích ô phố khoảng: 1.520,84 m²
4. Dân số cho toàn ô phố:
5. Chiều cao tối đa ô phố: 30 m
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 3,0

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.



**QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ
THUỘC PHẦN KHU 3**
**QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ A1; A2; B2; A-P1;
A-P2**

I. Ô PHỐ A1

1. Ký hiệu ô phố: A1
 2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: A2, A36, A4, A-P1
 3. Diện tích ô phố khoảng: 6.488,70 m²
 4. Dân số cho toàn ô phố:
 5. Chiều cao tối đa ô phố: 60 m
 6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 5
- Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 8.*
7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ A2

1. Ký hiệu ô phố: A2
 2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: A4, A5, A48, A13, A14, A36
 3. Diện tích ô phố khoảng: 16.121,93 m²
 4. Dân số cho toàn ô phố:
 5. Chiều cao tối đa ô phố: 230 m
 6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 12
- Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 14.*
7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ B2

1. Ký hiệu ô phố: B2
2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: A5, A6, A9, Nguyễn Hữu Cánh
Ô phố: A-P1
3. Diện tích ô phố khoảng: 16.694,44 m²
4. Dân số cho toàn ô phố: 1110 người
5. Chiều cao tối đa ô phố: 145 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 9,5

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ A-P1

1. Ký hiệu ô phố: A-P1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A2, A4, A5

Ô phố: A1, B2

3. Diện tích ô phố khoảng: 2.436,38 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

V. Ô PHỐ A-P2

1. Ký hiệu ô phố: A-P2

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A6, A48, A12

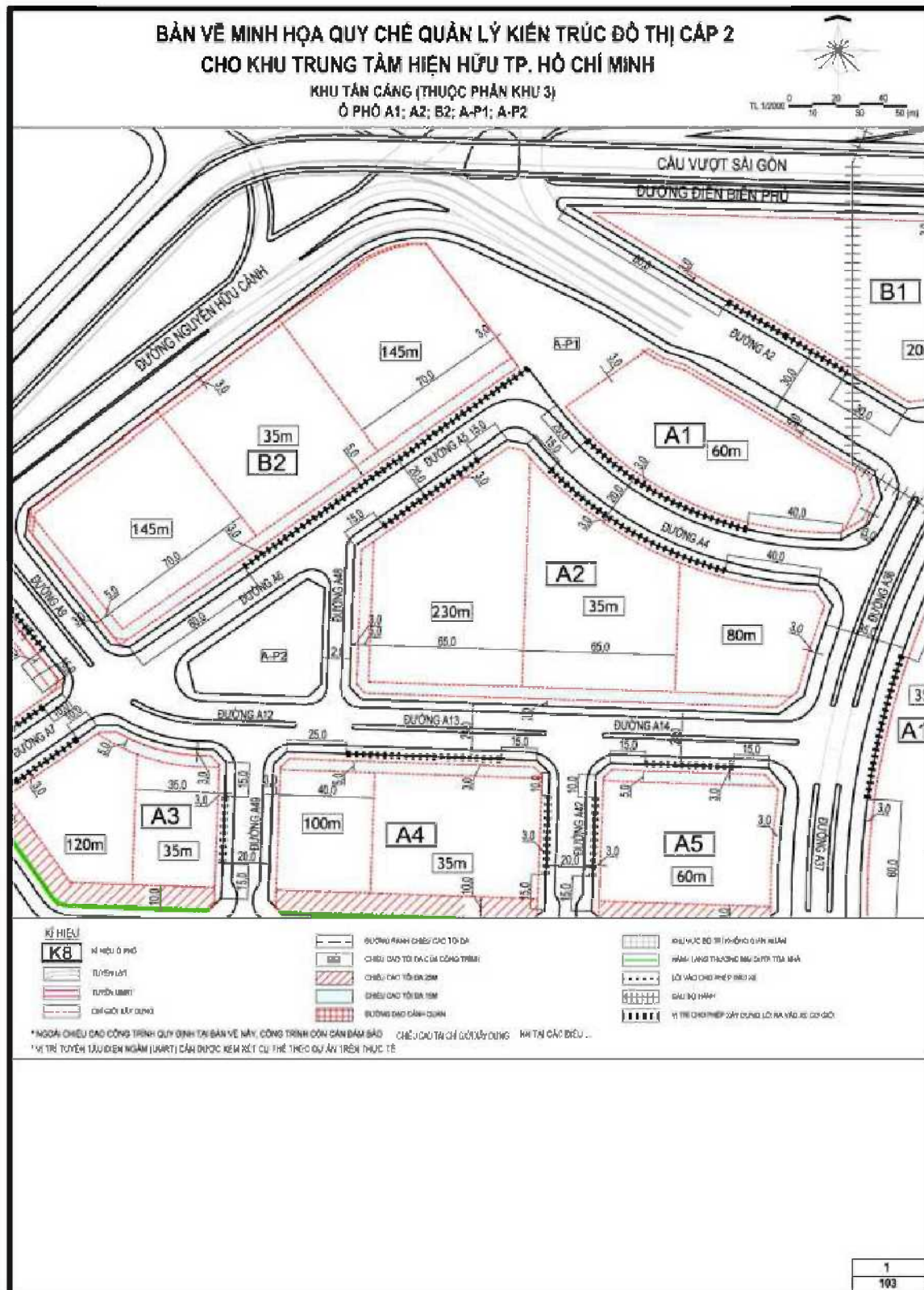
3. Diện tích ô phố khoảng: 1.948,36 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

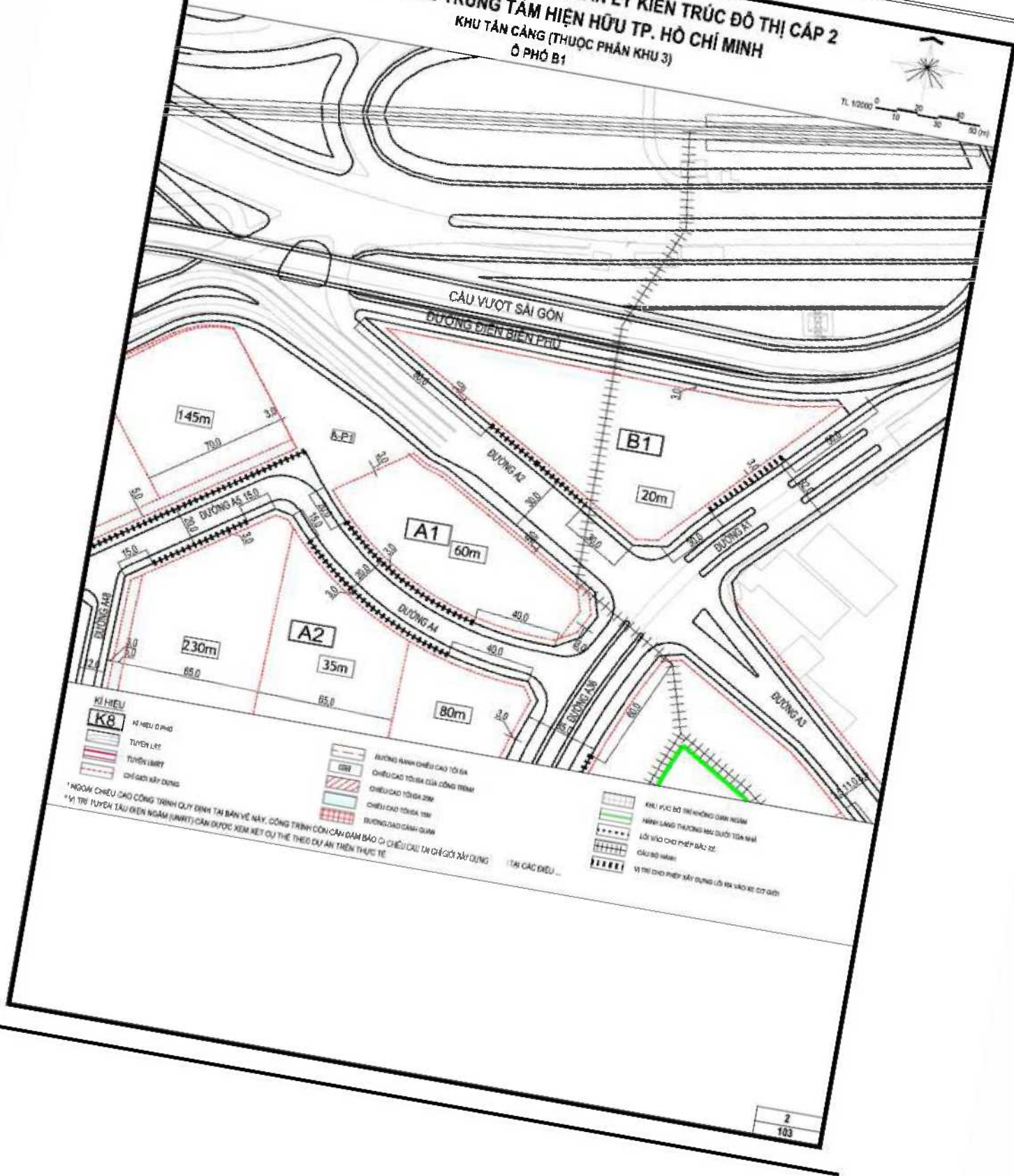
7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.



2. QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ B1**I. Ô PHỐ B1**

1. Ký hiệu ô phố: B1
2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: A1, A2, Điện Biên Phủ
3. Diện tích ô phố khoảng: 10.684,22 m²
4. Dân số cho toàn ô phố:
5. Chiều cao tối đa ô phố: 20 m
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,5
7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lô giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

**BẢN VẼ MINH HỌA QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ CẤP 2
CHO KHU TRUNG TÂM HIỆN HỮU TP. HỒ CHÍ MINH
KHU TÂN CẢNG (THUỘC PHÂN KHU 3)
Ở PHỐ B1**



3. QUY ĐỊNH CU THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ A3; A4; A6; B3; C1; C2; D1; A-P; A-P4; D-P1; D-P2

I. Ô PHỐ A3

1. Ký hiệu ô phố: A3

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A49, A12, A7, A15

3. Diện tích ô phố khoảng: 6.191,25 m²

4. Dân số cho toàn ô phố: 460 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 120 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 8,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 10.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ A4

1. Ký hiệu ô phố: A4

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A49, A13, A42, A16

3. Diện tích ô phố khoảng: 8.210,02 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 100 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 9,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 11.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ A6

1. Ký hiệu ô phố: A6

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A21, A43, A26, A50

3. Diện tích ô phố khoảng: 8.191,01 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 100m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 9,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 11.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lô giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ B3

1. Ký hiệu ô phố: B3

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A9, A7, A10, Nguyễn Hữu Cánh

3. Diện tích ô phố khoảng: 4.165,34m²

4. Dân số cho toàn ô phố: 270người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 70m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 7,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lô giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

V. Ô PHỐ C1

1. Ký hiệu ô phố: C1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A11, A18, A20, Nguyễn Hữu Cánh

3. Diện tích ô phố khoảng: 2.756,71m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 150m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 13,5

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lô giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VI. Ô PHỐ C2

1. Ký hiệu ô phố: C2

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A20, A23, A24, Nguyễn Hữu Cánh

Ô phố: D1

3. Diện tích ô phố khoảng: 7.012,29 m²

4. Dân số cho toàn ô phố: 1.550người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 100 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 10,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VII. Ô PHỐ D1

1. Ký hiệu ô phố: D1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A20, A25, A50, C2

3. Diện tích ô phố khoảng: 6.315,33 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 120 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 10,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 12.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VIII. Ô PHỐ A-P3

1. Ký hiệu ô phố: A-P3

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A15, A20, A49, A50

Ô phố: D-P2

3. Diện tích ô phố khoảng: 934,72 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 4m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,03

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IX. Ô PHỐ A-P4

1. Ký hiệu ô phố: A-P4

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A16, A21, A49, A50, A42, A43

3. Diện tích ô phố khoảng: 1.814,43 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 4 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,03

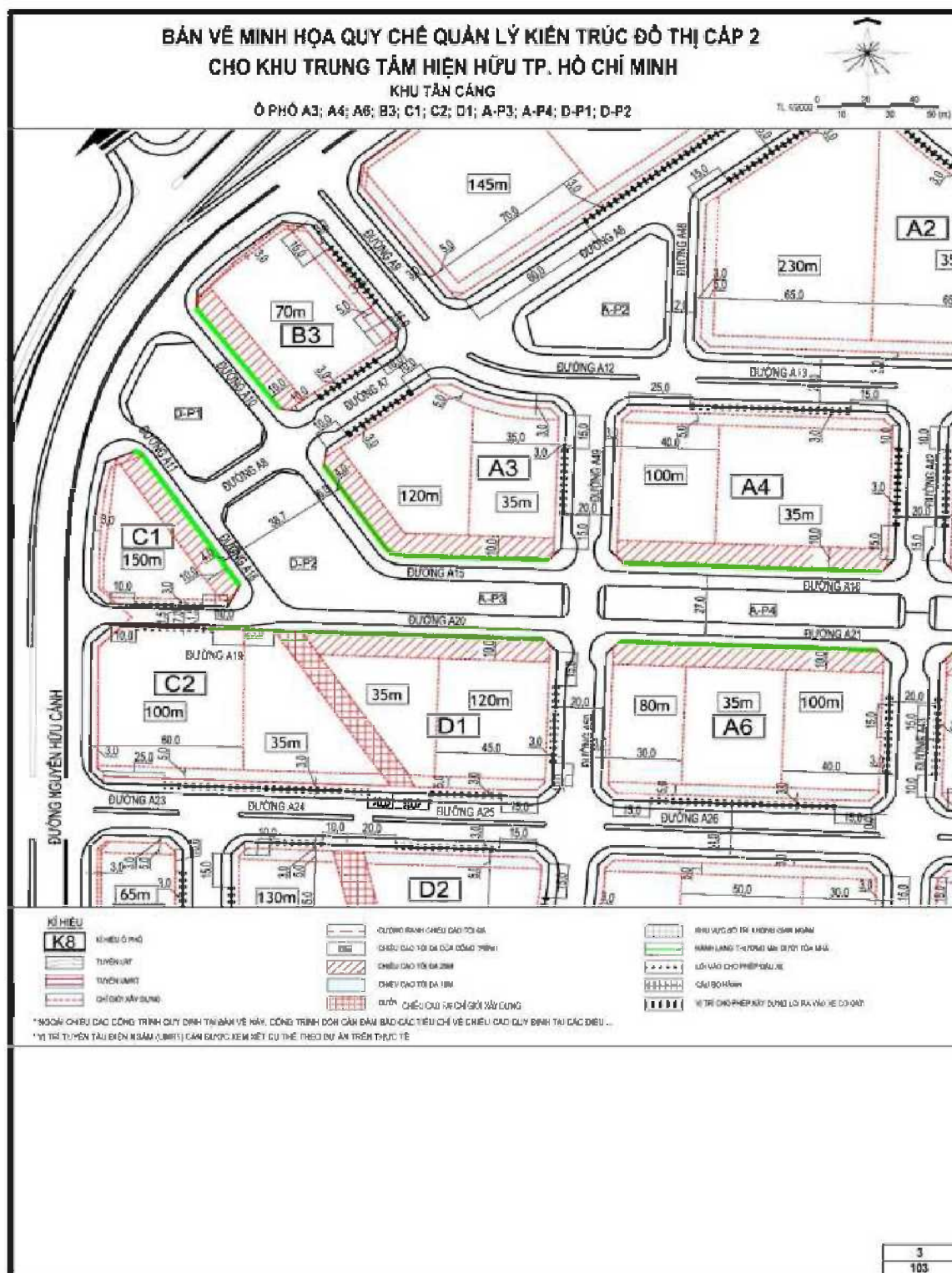
7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

X. Ô PHỐ D-P1

1. Ký hiệu ô phố: D-P1
2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: A10, A8, A11, Nguyễn Hữu Cánh
3. Diện tích ô phố khoảng: 2.109,50 m²
4. Dân số cho toàn ô phố:
5. Chiều cao tối đa ô phố:
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:
7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

XI. Ô PHỐ D-P2

1. Ký hiệu ô phố: D-P2
2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: A18, A8, A15, A-P3
3. Diện tích ô phố khoảng: 2.621,96 m²
4. Dân số cho toàn ô phố:
5. Chiều cao tối đa ô phố: 4m
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,03
7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.



**QUY ĐỊNH CU THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ A5; A7; A10; A11;
A14; A15; A16; A-P7****I. Ô PHỐ A5**

1. Ký hiệu ô phố: A5
2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A37, A17, A42, A14

3. Diện tích ô phố khoảng: 5.492.80 m²
4. Dân số cho toàn ô phố: 650 người
5. Chiều cao tối đa ô phố: 60 m
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 6,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 8.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ A7

1. Ký hiệu ô phố: A7
2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A38, A22, A43, A27

3. Diện tích ô phố khoảng: 6.243.49 m²
4. Dân số cho toàn ô phố: 740 người
5. Chiều cao tối đa ô phố: 60 m
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 6,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 8.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ A10

1. Ký hiệu ô phố: A10
2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A27, A44, A29, A38, A39

3. Diện tích ô phố khoảng: 7.542.08 m²
4. Dân số cho toàn ô phố: 7.500 người
5. Chiều cao tối đa ô phố: 25m
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 3,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 4,5.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lô giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ A14

1. Ký hiệu ô phố: A14

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A37, A36

Ô phố: A-P7, A15, A16

3. Diện tích ô phố khoảng: 9.123,53 m²

4. Dân số cho toàn ô phố: - người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 10 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 1,5

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 2,25.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lô giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

V. Ô PHỐ A15

1. Ký hiệu ô phố: A15

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A38, A39

Ô phố: A-P7, A14, A16

3. Diện tích ô phố khoảng: 8.246,18 m²

4. Dân số cho toàn ô phố: 540 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 25 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 4,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 6.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lô giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VI. Ô PHỐ A16

1. Ký hiệu ô phố: A16

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A3

Ô phố: A-P7, A15, A14

3. Diện tích ô phố khoảng: 5.700,00 m²

4. Dân số cho toàn ô phố: - người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 35 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 6,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 8.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VII. Ô PHỐ A-P7

1. Ký hiệu ô phố: A-P7

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A37, A38

Ô phố: A16, A15, A14

3. Diện tích ô phố khoảng: 38.374,31 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 6 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,05

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.



**QUY ĐỊNH CU THỂ ĐỐI VỚI Ô PHỐ A8; A9; C3; C4; C5; C6;
D2; D3; C-P1; C-P2****I. Ô PHỐ A8**

1. Ký hiệu ô phố: A8
2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A28, A44, A26, A51

3. Diện tích ô phố khoảng: 7.276,22 m²
4. Dân số cho toàn ô phố: 1130 người
5. Chiều cao tối đa ô phố: 100 m
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 7,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 9.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ A9

1. Ký hiệu ô phố: A9
2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A28, A52, A31, A46, A45

3. Diện tích ô phố khoảng: 11.651,51 m²
4. Dân số cho toàn ô phố: 1680 người
5. Chiều cao tối đa ô phố: 80 m
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 6,5

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 8,5.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ C3

1. Ký hiệu ô phố: C3
2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A55, A54, A23, Nguyễn Hữu Cánh

Ô phố: C4

3. Diện tích ô phố khoảng: 1.876,20 m²
4. Dân số cho toàn ô phố:
5. Chiều cao tối đa ô phố: 65 m
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 9,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ C4

1. Ký hiệu ô phố: C4

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A55, A35, Nguyễn Hữu Cánh

Ô phố: C5, C3

3. Diện tích ô phố khoảng: 9.806,37 m²

4. Dân số cho toàn ô phố: 1.370 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 156m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 8,3

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

V. Ô PHỐ C5

1. Ký hiệu ô phố: C5

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A35, A53

Ô phố: C4, C-P2, D3

3. Diện tích ô phố khoảng: 3.736,83m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 15m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 1,5

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VI. Ô PHỐ C6

1. Ký hiệu ô phố: C6

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A24, A54, A30

Ô phố: D2

3. Diện tích ô phố khoảng: 6.290,43m²

4. Dân số cho toàn ô phố: 840 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 130m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 16,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VII. Ô PHỐ D2

1. Ký hiệu ô phố: D2

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A25, A51, A52, A30

Ô phố: C6

3. Diện tích ô phố khoảng: 6.558,72 m²

4. Dân số cho toàn ô phố: 1.370 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 115 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 9,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 11.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VIII. Ô PHỐ D3

1. Ký hiệu ô phố: D3

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A53, A31, A47

Ô phố: C5, C-P2

3. Diện tích ô phố khoảng: 15.133,33 m²

4. Dân số cho toàn ô phố: 2.180 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 80m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 6,5

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 8,5.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IX. Ô PHỐ C-P1

1. Ký hiệu ô phố: C-P1

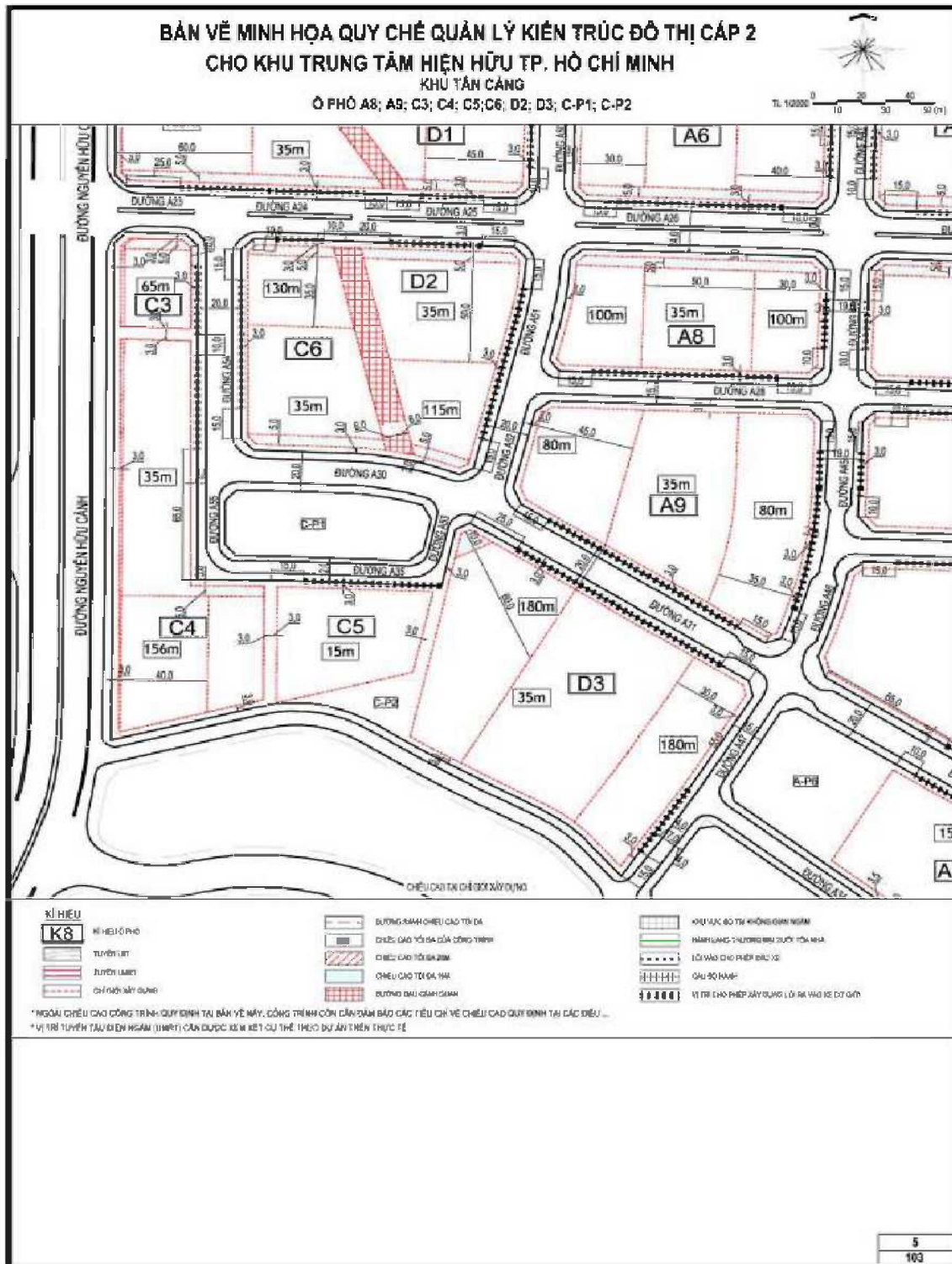
2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A30, A55, A35, A53

3. Diện tích ô phố khoảng: 2.885,08 m²
4. Dân số cho toàn ô phố:
5. Chiều cao tối đa ô phố:
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:
7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

X. Ô PHỐ C-P2

1. Ký hiệu ô phố: C-P1
2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: A53
Ô phố: C5, D3
3. Diện tích ô phố khoảng: 840.52 m²
4. Dân số cho toàn ô phố:
5. Chiều cao tối đa ô phố:
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:
7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.



QUY ĐỊNH CU THỂ ĐỐI VỚI Ô PHỐ A11; A12; A13; A-P6**I. Ô PHỐ A11**

1. Ký hiệu ô phố: A11

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A29, A45, A32, A39

3. Diện tích ô phố khoảng: 9.339,36 m²

4. Dân số cho toàn ô phố: 620 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 25 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 3,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 4,5.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ A12

1. Ký hiệu ô phố: A12

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A32, A40, A33, A46

3. Diện tích ô phố khoảng: 17.171,10 m²

4. Dân số cho toàn ô phố: - người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 15 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 1,5

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ A13

1. Ký hiệu ô phố: A13

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A41, A33, A47, A34

3. Diện tích ô phố khoảng: 6.670,64 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 15m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 1,5

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ A-P6

1. Ký hiệu ô phố: A-P6
2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: A47, A33, A34
Ô phố: A13
3. Diện tích ô phố khoảng: 3.315,00 m²
4. Dân số cho toàn ô phố:
5. Chiều cao tối đa ô phố:
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:
7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.



**7. QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI Ô PHỐ E1; E2; E3; E4; E5; E6;
E-P1; E-P3; E-P4****I. Ô PHỐ E1**

1. Ký hiệu ô phố: E1
2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B9, Nguyễn Hữu Cánh

Ô phố: E2, E-P1

3. Diện tích ô phố khoảng: 5.131,92m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 150m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 10,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ E2

1. Ký hiệu ô phố: E2
2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B9

Ô phố: E1, E-P1, E-P3

3. Diện tích ô phố khoảng: 4.184,84m²

4. Dân số cho toàn ô phố: 530 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 50m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 6,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ E3

1. Ký hiệu ô phố: E3
2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B8, B11

Ô phố: E-P1, E-P3

3. Diện tích ô phố khoảng: 3.813,80 m²

4. Dân số cho toàn ô phố: 240 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 30m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 3,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ E4

1. Ký hiệu ô phố: E4

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B12, B9, Nguyễn Hữu Cánh

Ô phố: E-P4

3. Diện tích ô phố khoảng: 11.554,27m²

4. Dân số cho toàn ô phố: 1450 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 150m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 9,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

V. Ô PHỐ E5

1. Ký hiệu ô phố: E5

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B12, B8, Nguyễn Hữu Cánh

Ô phố: E6

3. Diện tích ô phố khoảng: 13.877,79 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 15m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 1,5

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VI. Ô PHỐ E6

1. Ký hiệu ô phố: E6

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B7, B6, Nguyễn Hữu Cánh

Ô phố: E5

3. Diện tích ô phố khoảng: 8.193,24 m²

4. Dân số cho toàn ô phố: 1.200 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 150m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 7,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VII. Ô PHỐ E-P1

1. Ký hiệu ô phố: E-P1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B11, Nguyễn Hữu Cánh

Ô phố: E3, E2, E1, E-P3

3. Diện tích ô phố khoảng: 18.205,95 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 4m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,03

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VIII. Ô PHỐ E-P3

1. Ký hiệu ô phố: E-P3

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B8, B9

Ô phố: E3, E2, E1, E-P1

3. Diện tích ô phố khoảng: 693,31m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IX. Ô PHỐ E-P4

1. Ký hiệu ô phố: E-P4

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B8, B9

Ô phố: E3, E2, E1, E-P1

3. Diện tích ô phố khoảng: 403,44 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

BẢN VẼ MINH HỌA QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ CẤP 2 CHO KHU TRUNG TÂM HIỆN HỮU TP. HỒ CHÍ MINH

KHU NAM THỊ NGHỆ (THUỘC PHẦN KHU 3)
Ô PHỐ E1; E2; E3; E4; E5; E6; E-P1; E-P3; E-P4;

KÍ HIỆU

K8

VIỆT NAM

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

- ĐƯỜNG BÊN CHIEU CAO TỐI THIỂU
- CHIEU CAO TỐI ĐA CỦA CÔNG TRÌNH
- CHIEU CAO TỐI ĐA 25M
- CHIEU CAO TỐI ĐA 15M
- ĐƯỜNG BÊN CHIEU CAO TỐI THIỂU

- KHU VỰC ĐÔ THỊ NHỎ NHẤT
- KHU VỰC ĐÔ THỊ NHỎ NHẤT
- LƯỚI VẠCH CHIẾU DẠNG
- CÁI SỔ HẠNH
- VỊ THÍ CHỈ DẪN ĐƯỜNG LƯỚI VẠCH CHIẾU DẠNG

* NGƯỜI CHẾ ĐẠO CÔNG TRÌNH QUY ĐỊNH TẠI BẢNG VẼ NÀY, CÔNG TRÌNH CÒN GẦN GÀM BẢO C. CHẾ ĐẠO TẠI CHỖ KHÁC KHÁC ...

* VỊ TRÍ TUYẾN TÀU BIỂN NHỎ NHẤT CẦN ĐƯỢC XEM XÉT CỤ THỂ THEO DỰ ÁN TRÊN THỰC TẾ

7
103

QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI Ô PHỐ F1; F2; F3; F-P1, F-P2; F-P3; F-P4; F-P5; G-P1**I. Ô PHỐ F1**

1. Ký hiệu ô phố: F1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B2, B4, B5

Ô phố: F-P1

3. Diện tích ô phố khoảng: 8.650,80m²

4. Dân số cho toàn ô phố: 1.090 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 150m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 9,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ F2

1. Ký hiệu ô phố: F2

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B3, B4, B5

Ô phố: F-P5, F3

3. Diện tích ô phố khoảng: 4.110,56 m²

4. Dân số cho toàn ô phố: 510 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 150 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 9,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ F3

1. Ký hiệu ô phố: F3

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B1, B3, Nguyễn Hữu Cánh

Ô phố: F-P5, F2

3. Diện tích ô phố khoảng: 6.557,46 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 1,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ F-P1

1. Ký hiệu ô phố: F-P1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B4, B5, B2

Ô phố: F1

3. Diện tích ô phố khoảng: 3.749,77 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

V. Ô PHỐ F-P2

1. Ký hiệu ô phố: F-P2

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Hữu Cánh, B1, B3, Rạch Thị Nghè

3. Diện tích ô phố khoảng: 1.928,10 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VI. Ô PHỐ F-P3

1. Ký hiệu ô phố: F-P3

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Hữu Cánh, B1

Ô Phố: F-P2

3. Diện tích ô phố khoảng: 848,80 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VII. Ô PHỐ F-P4

1. Ký hiệu ô phố: F-P4

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Hữu Cánh, B2

3. Diện tích ô phố khoảng: 586,96 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VIII. Ô PHỐ F-P5

1. Ký hiệu ô phố: F-P5

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B4, B1

Ô Phố: F2, F3

3. Diện tích ô phố khoảng: 2.544,38 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IX. Ô PHỐ G-P1

1. Ký hiệu ô phố: G-P1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C2, Rạch Thị Nghè

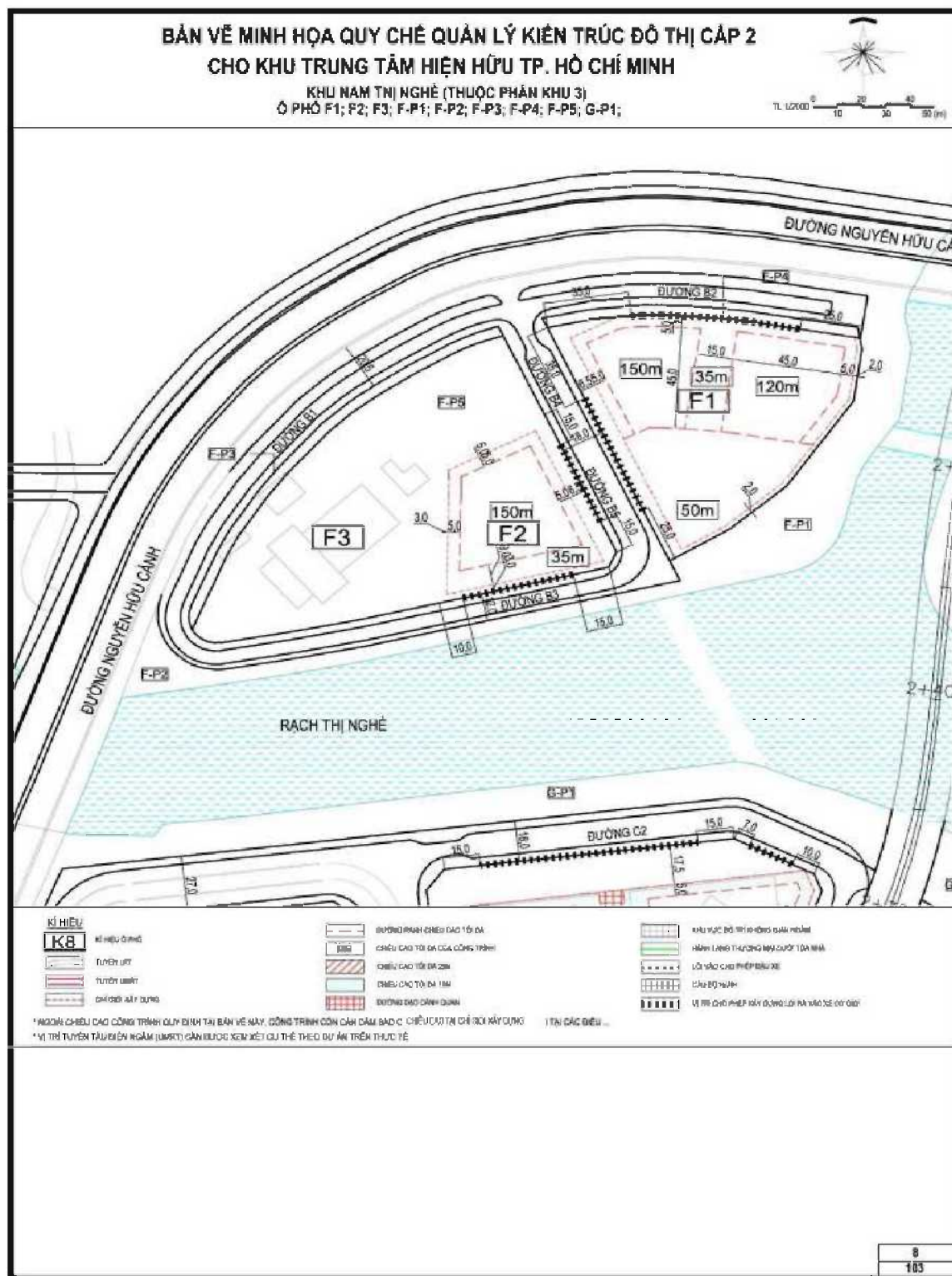
3. Diện tích ô phố khoảng: 5.501,90 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.



**QUY ĐỊNH CU THỂ ĐỐI VỚI Ô PHỐ H1; H4; H5; H-P1; H-P3;
H-P5****I. Ô PHỐ H1**

1. Ký hiệu ô phố: H1
2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C1

Ô phố : H-P1, H-P3

3. Diện tích ô phố khoảng: 11.009,48m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 30m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 1,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 2,0.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ H4

1. Ký hiệu ô phố: H4

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C1, C5, Nguyễn Hữu Cánh

Ô phố : H-P5

3. Diện tích ô phố khoảng: 8.617,07m²

4. Dân số cho toàn ô phố: 800 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 130m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 10,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 12.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ H5

1. Ký hiệu ô phố: H5

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C1, C5, C6, Nguyễn Hữu Cánh

3. Diện tích ô phố khoảng: 9.761,87m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 150m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 15,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 17.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ H-P1

1. Ký hiệu ô phố: H-P1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Ô phố : H-P3, H1

3. Diện tích ô phố khoảng: 6.453,43m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 4m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,03

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

V. PHỐ H-P3

1. Ký hiệu ô phố: H-P3

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C1

Ô phố : H-P1, H1

3. Diện tích ô phố khoảng: 3.155,80 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VI. Ô PHỐ H-P5

1. Ký hiệu ô phố: H-P5

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C1, Nguyễn Hữu Cánh

Ô phố : H4

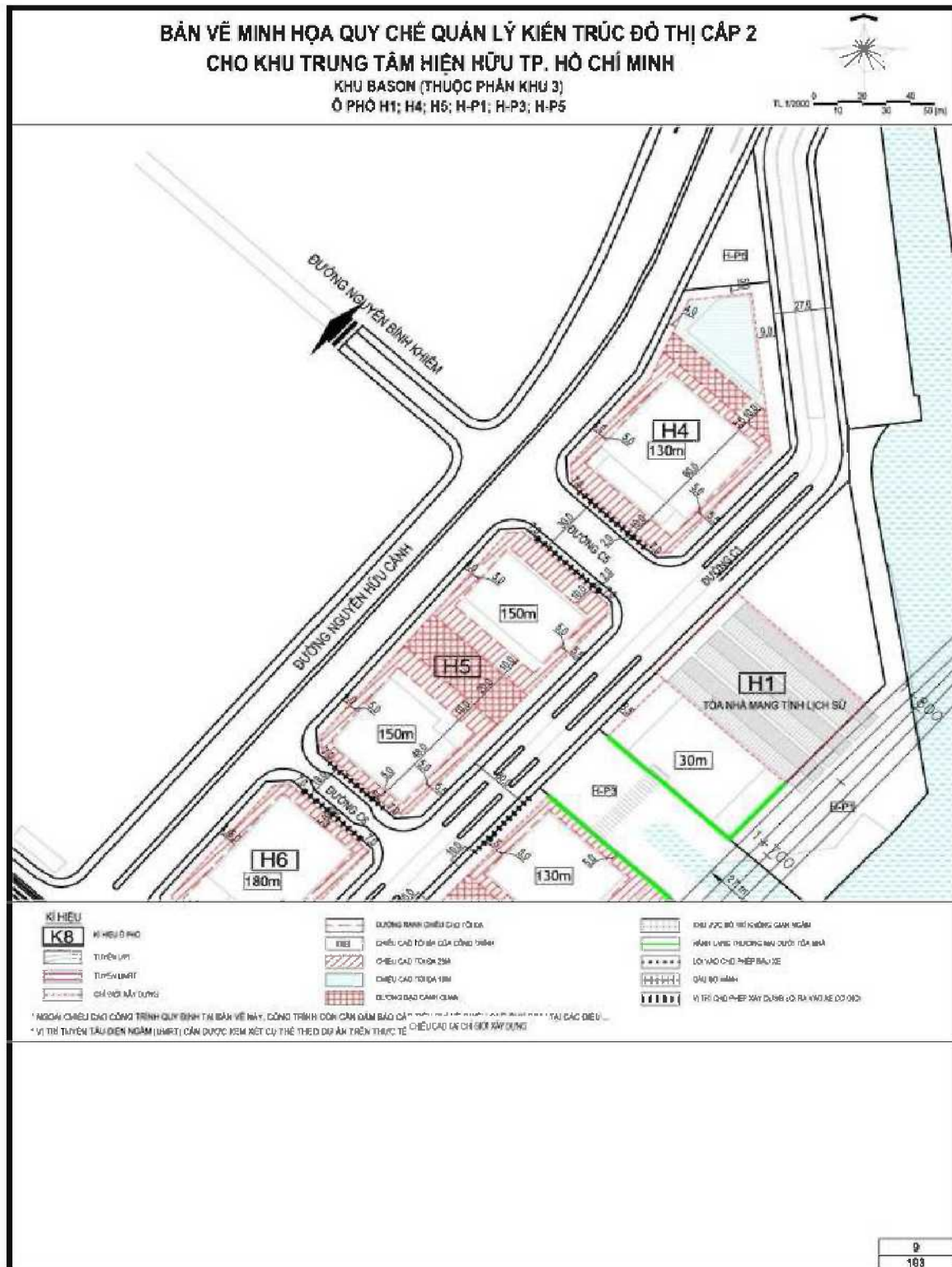
3. Diện tích ô phố khoảng: 1.299,87 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.



**QUY ĐỊNH CU THỂ ĐỐI VỚI Ô PHỐ G1; G2; G3; G4; G5; G6;
G-P1; G-P2; G-P3; G-P4; G-P5; G-P6**

I. Ô PHỐ G1

1. Ký hiệu ô phố: G1
2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: C2, C4
3. Diện tích ô phố khoảng: 14.139,01m²
4. Dân số cho toàn ô phố: 2.640 người
5. Chiều cao tối đa ô phố: 200 m
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 10,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 12.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ G2

1. Ký hiệu ô phố: G2
2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: C2, C4
3. Diện tích ô phố khoảng: 4.845,50 m²
4. Dân số cho toàn ô phố:
5. Chiều cao tối đa ô phố: 15 m
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 1,50

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 2,3.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ G3

1. Ký hiệu ô phố: G3
2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: C3, C4
Ô phố: G6; G4; G-P4
3. Diện tích ô phố khoảng: 6.585,18 m²
4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 150 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 10,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 12.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ G4

1. Ký hiệu ô phố: G4

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C4, C7

Ô phố: G6; G3; G-P4

3. Diện tích ô phố khoảng: 8.221,73 m²

4. Dân số cho toàn ô phố: 1.210 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 60 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 7,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 9.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

V. Ô PHỐ G5

1. Ký hiệu ô phố: G5

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C7, Sông Sài Gòn

Ô phố: G4

3. Diện tích ô phố khoảng: 4.693,03 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 30 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 1,50

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 2,3.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VI. Ô PHỐ G6

1. Ký hiệu ô phố: G6
2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: C3, Sông Sài Gòn
Ô phố: G-P4, G3
3. Diện tích ô phố khoảng: 2.450,11 m²
4. Dân số cho toàn ô phố:
5. Chiều cao tối đa ô phố: 30m
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 1,50

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 2,3.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VII. Ô PHỐ G-P1

1. Ký hiệu ô phố: G-P1
2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: C3, C2
Ô phố: G-P6, G-P2
3. Diện tích ô phố khoảng: 5.501,90 m²
4. Dân số cho toàn ô phố:
5. Chiều cao tối đa ô phố:
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:
7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VII. Ô PHỐ G-P2

1. Ký hiệu ô phố: G-P2
2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: C2
Ô phố: G-P5, G-P3
3. Diện tích ô phố khoảng: 1.661,72 m²
4. Dân số cho toàn ô phố:
5. Chiều cao tối đa ô phố:
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VIII. Ô PHỐ G-P3

1. Ký hiệu ô phố: G-P3

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C2

Ô phố: G-P5, G-P3, G-P2

3. Diện tích ô phố khoảng: 20.164,02 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 4 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,03

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IX. Ô PHỐ G-P4

1. Ký hiệu ô phố: G-P4

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Sông Sài Gòn

Ô phố: G6, G3, G4, G5

3. Diện tích ô phố khoảng: 11.711,34 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

X. Ô PHỐ G-P5

1. Ký hiệu ô phố: G-P5

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C2

Ô phố: G2, G-P3, G-P2

3. Diện tích ô phố khoảng: 563,04 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

XI. Ô PHỐ G-P6

1. Ký hiệu ô phố: G-P6

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C3

Ô phố: G-P1

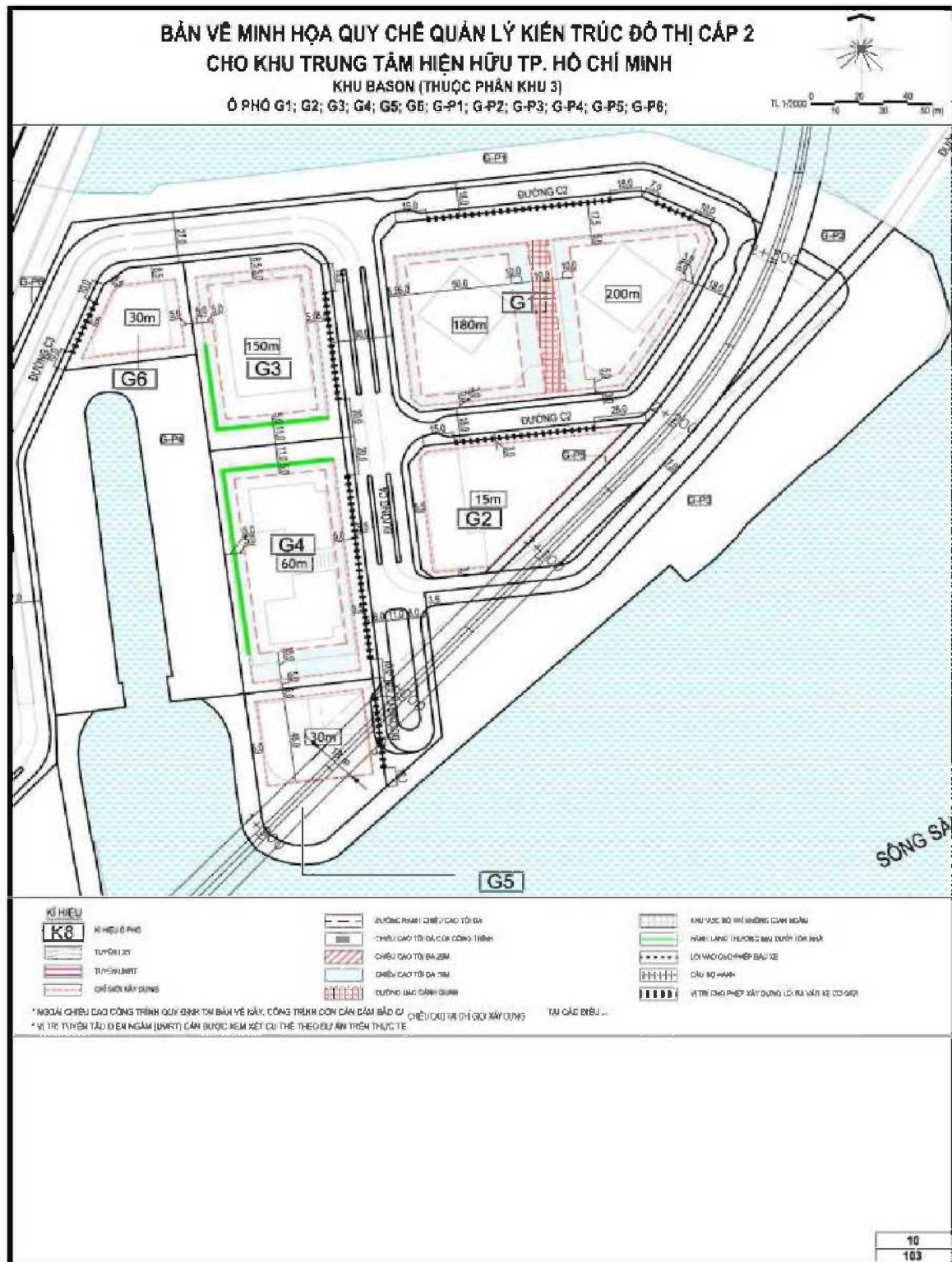
3. Diện tích ô phố khoảng: 381,83 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.



QUY ĐỊNH CU THỂ ĐỐI VỚI Ô PHỐ H2; H3;H6;H-P2;H-P4**I. Ô PHỐ H2**

1. Ký hiệu ô phố: H2
2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: C1, Tôn Đức Thắng
Ô phố: H3; H-P4
3. Diện tích ô phố khoảng: 13.665,38m²
4. Dân số cho toàn ô phố:
5. Chiều cao tối đa ô phố: 220 m
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 17,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 20.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ H3

1. Ký hiệu ô phố: H3
2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: Tôn Đức Thắng
Ô phố: H-P2; H-P4, H2
3. Diện tích ô phố khoảng: 2.946,67m²
4. Dân số cho toàn ô phố:
5. Chiều cao tối đa ô phố: 30 m
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 4,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 7.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ H6

1. Ký hiệu ô phố: H6
2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: Tôn Đức Thắng, Nguyễn Hữu Cánh, C1, C6
3. Diện tích ô phố khoảng: 5.752,67 m²
4. Dân số cho toàn ô phố:
5. Chiều cao tối đa ô phố: 180m
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 16,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 18.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ H-P2

1. Ký hiệu ô phố: H-P2

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Tôn Đức Thắng

Ô phố : H3, H-P4

3. Diện tích ô phố khoảng: 9.483,37 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 4 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0.03

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ H-P4

1. Ký hiệu ô phố: H-P4

2. Ô phố giới hạn bởi:

Ô phố : H3, H-P2, H2

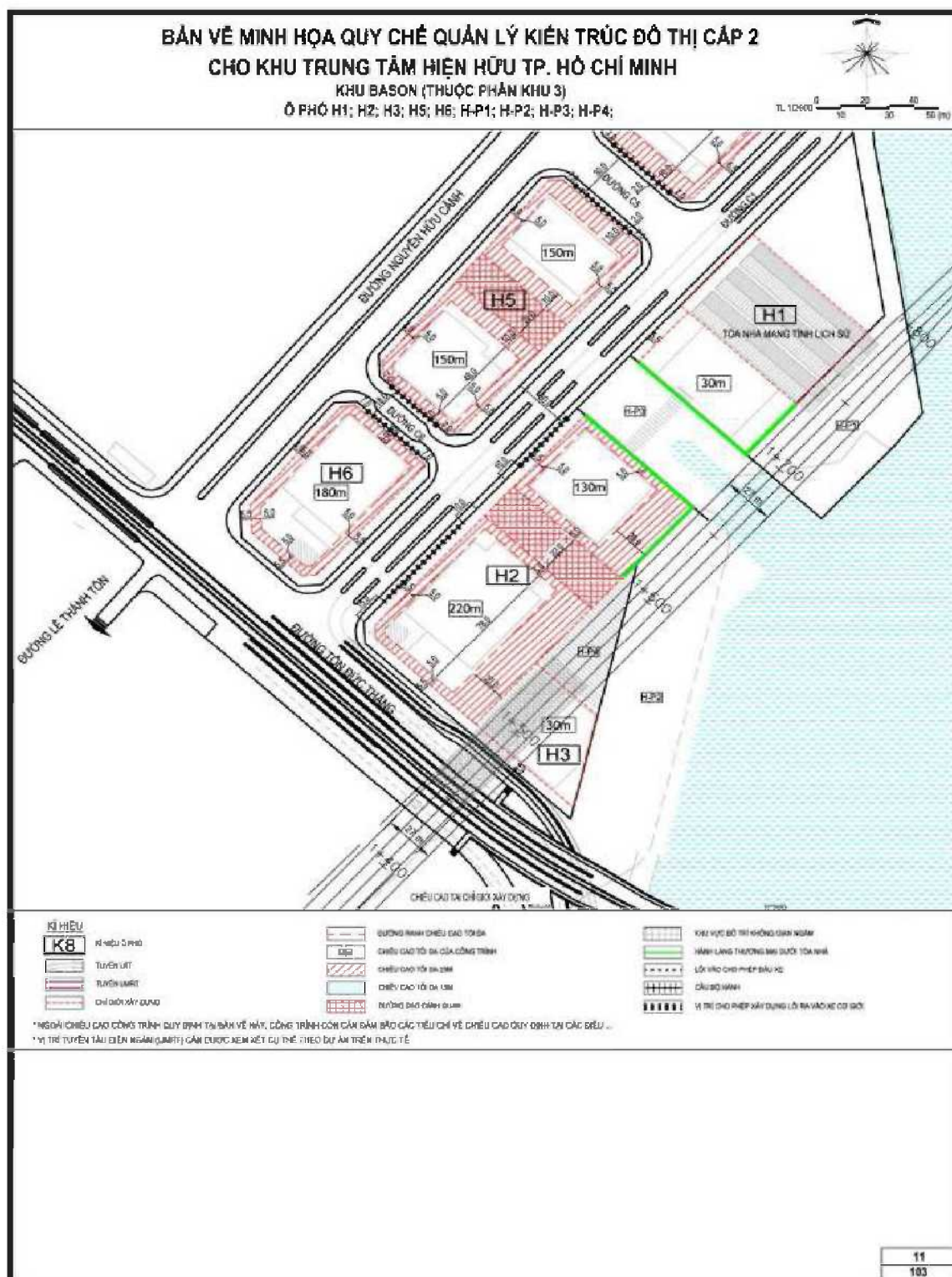
3. Diện tích ô phố khoảng: 1.638,43 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.



QUY ĐỊNH CU THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ K1; K2; K-P1; K-P13;**I. Ô PHỐ K1**

1. Ký hiệu ô phố: K1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Tất Thành

Ô phố: K2

3. Diện tích ô phố khoảng: 15.049,56 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 15m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,10

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ K2

1. Ký hiệu ô phố: K2

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Tất Thành, E1

Ô phố: K1

3. Diện tích ô phố khoảng: 1.290,20 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ K-P1

1. Ký hiệu ô phố: K-P1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: E8

3. Diện tích ô phố khoảng: 25.584,72 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

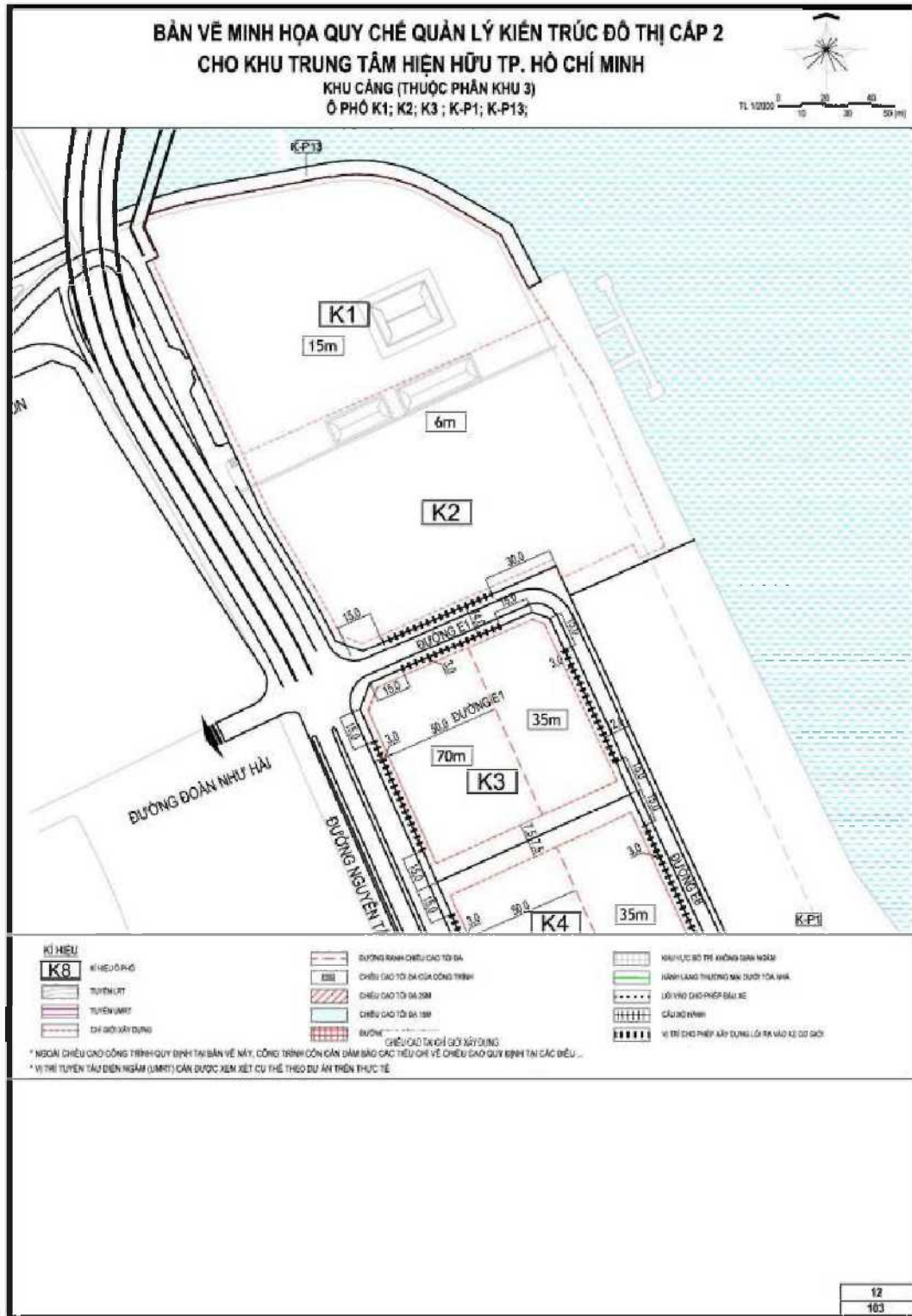
5. Chiều cao tối đa ô phố: 4 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,03

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ K-P13

1. Ký hiệu ô phố: K-P13
2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: Nguyễn Tất Thành
Ô phố: K1
3. Diện tích ô phố khoảng: 1.290,20 m²
4. Dân số cho toàn ô phố:
5. Chiều cao tối đa ô phố:
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:
7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.



QUY ĐỊNH CU THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ K4; K-P1; K-P6**I. Ô PHỐ K4**

1. Ký hiệu ô phố: K4
2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: Nguyễn Tất Thành, E2, E8
Ô phố: K3
3. Diện tích ô phố khoảng: 7.673,33 m²
4. Dân số cho toàn ô phố:
5. Chiều cao tối đa ô phố: 70m
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 4,0
Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.
7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

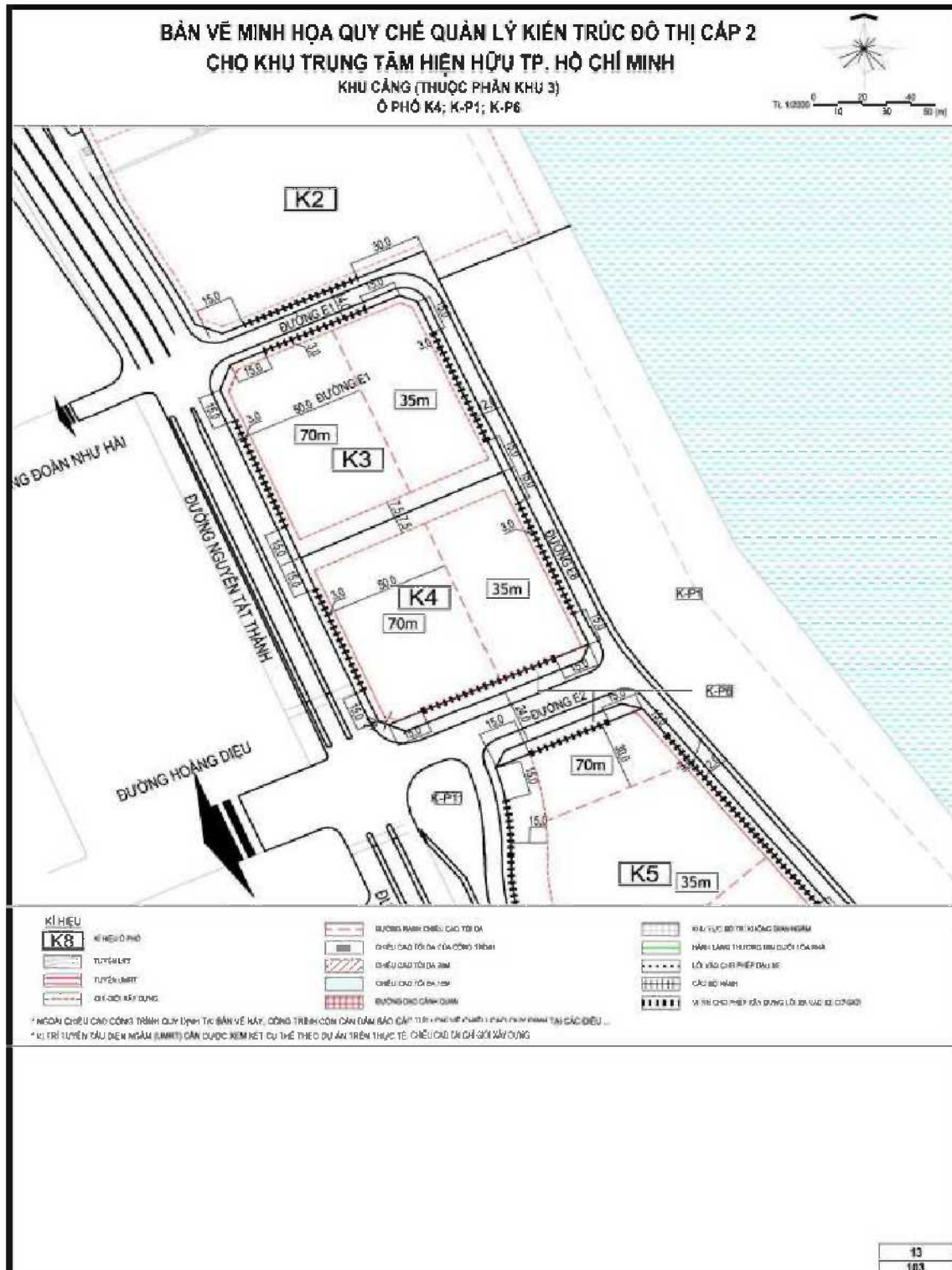
II. Ô PHỐ K-P1

1. Ký hiệu ô phố: K-P1
2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: E8
3. Diện tích ô phố khoảng: 25.584,72 m²
4. Dân số cho toàn ô phố:
5. Chiều cao tối đa ô phố: 4 m
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,03
Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.
7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ K-P6

1. Ký hiệu ô phố: K-P6
2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: E2, E8, Nguyễn Tất Thành
Ô phố: K4
3. Diện tích ô phố khoảng: 788,36 m²
4. Dân số cho toàn ô phố:
5. Chiều cao tối đa ô phố:
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:
Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.



QUY ĐỊNH CU THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ K5; K6; K-P1; K-P11; K-P12**I. Ô PHỐ K5**

1. Ký hiệu ô phố: K5

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: E2, E8, Nguyễn Tất Thành

Ô phố: K6

3. Diện tích ô phố khoảng: 13.209,63 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 110m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 7,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ K6

1. Ký hiệu ô phố: K6

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Cầu Thủ Thiêm 3, Nguyễn Tất Thành, E8

Ô phố: K5

3. Diện tích ô phố khoảng: 11.447,38 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 140m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 9,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ K-P1

1. Ký hiệu ô phố: K-P1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: E8

3. Diện tích ô phố khoảng: 25.584,72 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 4m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,03

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ K-P4

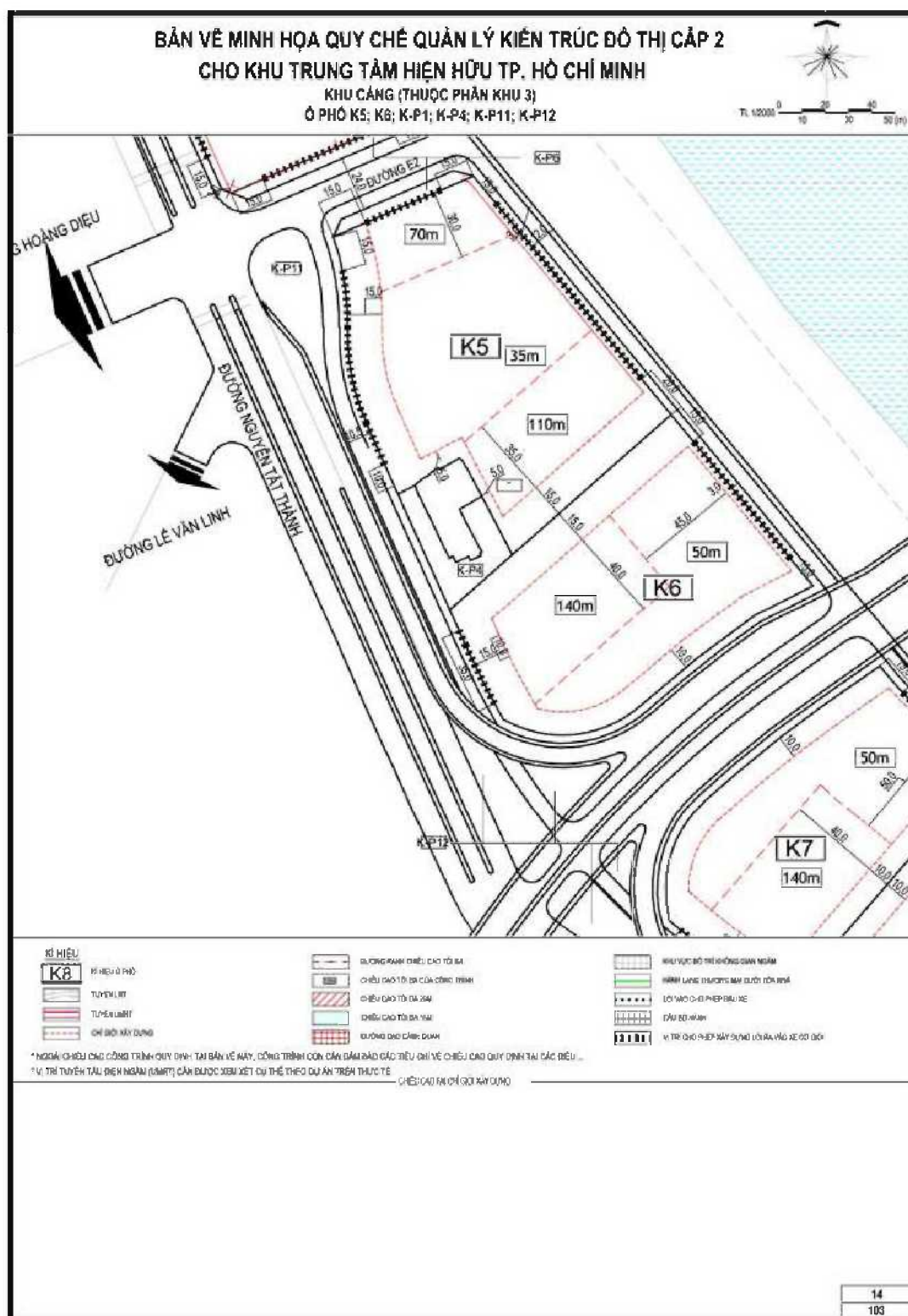
1. Ký hiệu ô phố: K-P4
2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: Nguyễn Tất Thành
Ô phố: K5, K6
3. Diện tích ô phố khoảng: 965,58 m²
4. Dân số cho toàn ô phố:
5. Chiều cao tối đa ô phố:
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:
7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

V. Ô PHỐ K-P11

1. Ký hiệu ô phố: K-P11
2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: Nguyễn Tất Thành, E2
3. Diện tích ô phố khoảng: 1.405,92 m²
4. Dân số cho toàn ô phố:
5. Chiều cao tối đa ô phố:
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:
7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VI. Ô PHỐ K-P12

1. Ký hiệu ô phố: K-P12
2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: Nguyễn Tất Thành, Cầu Thủ Thiêm 3
3. Diện tích ô phố khoảng: 2.219,51 m²
4. Dân số cho toàn ô phố:
5. Chiều cao tối đa ô phố:
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:
7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.



QUY ĐỊNH CU THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ K7; K8; K9; K10;**I. Ô PHỐ K7**

1. Ký hiệu ô phố: K7

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Tất Thành, E8, Cầu Thủ Thiêm 3

Ô phố: K8

3. Diện tích ô phố khoảng: 10.555,97 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 140 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 9,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ K8

1. Ký hiệu ô phố: K8

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Tất Thành, E8

Ô phố: K7, K9

3. Diện tích ô phố khoảng: 13.288,74 m²

4. Dân số cho toàn ô phố: 1410 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 110 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 7,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ K9

1. Ký hiệu ô phố: K9

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Tất Thành, E8

Đường: E8

Ô phố: K8, K10

3. Diện tích ô phố khoảng: 12.201,69 m²

4. Dân số cho toàn ô phố: 1.110 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 90 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 6,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ K10

1. Ký hiệu ô phố: K10

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Tất Thành, E8, E3

Ô phố: K9

3. Diện tích ô phố khoảng: 11.692,31 m²

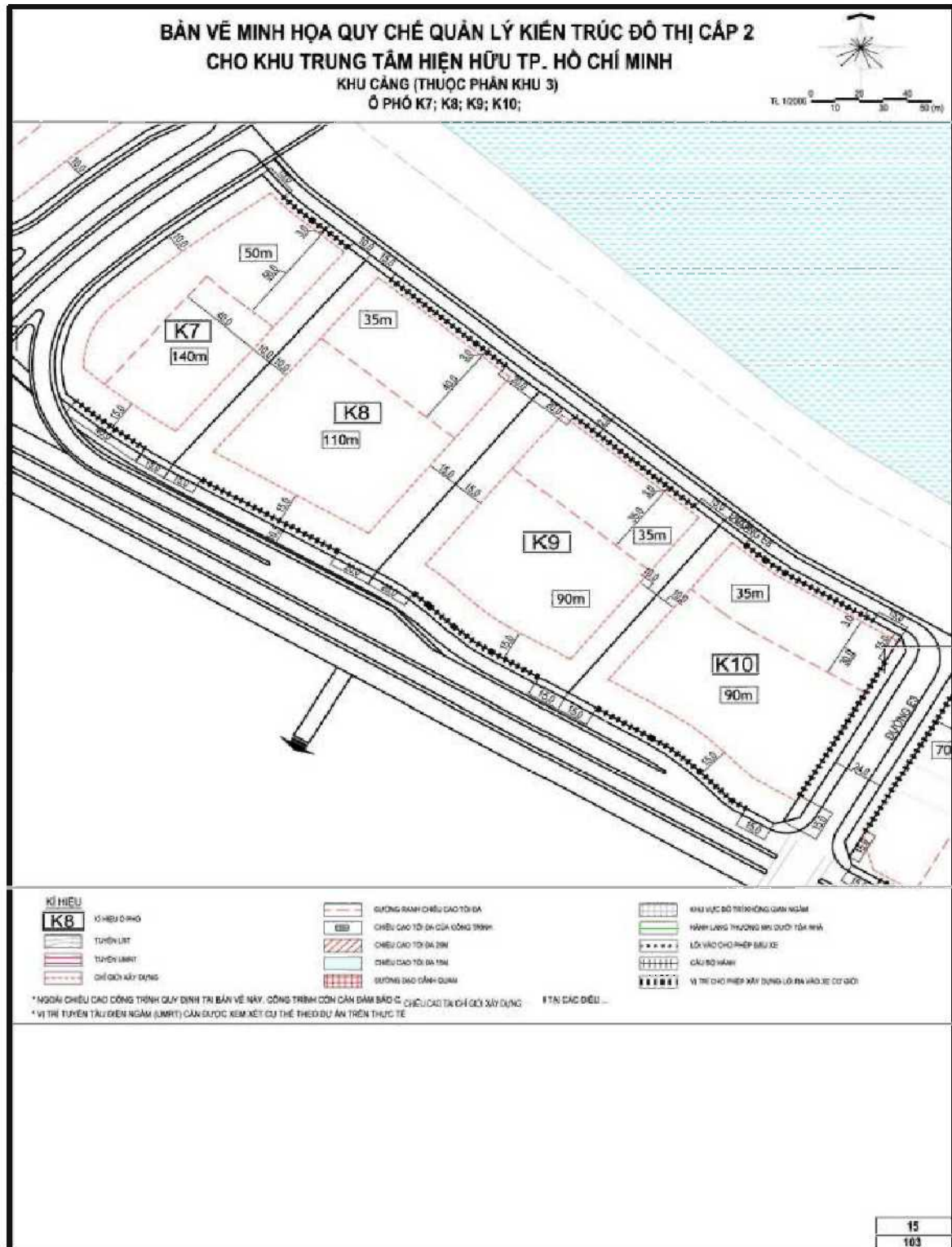
4. Dân số cho toàn ô phố: 1.230 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 90 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 6,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.



16. QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ K11; K12; K-P2; K-P7; K-P8;

I. Ô PHỐ K11

1. Ký hiệu ô phố: K11

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Tất Thành, E3

Ô phố: K12, K-P2

3. Diện tích ô phố khoảng: 17.264,32m²

4. Dân số cho toàn ô phố: 1.210 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 70m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 4,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ K12

1. Ký hiệu ô phố: K12

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Tất Thành, E4

Đường: E4

Ô phố: K11, K-P2

3. Diện tích ô phố khoảng: 16.588,41 m²

4. Dân số cho toàn ô phố: 1.080 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 70 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 3,50

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ K-P2

1. Ký hiệu ô phố: K-P2

2. Ô phố giới hạn bởi:

Ô phố: K-P1, K11, K12

3. Diện tích ô phố khoảng: 65.128,43 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 4m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,03

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ K-P7

1. Ký hiệu ô phố: K-P7

Đường: E3, E8, Nguyễn Tất Thành

Ô phố: K10

3. Diện tích ô phố khoảng: 1.139,00 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

8. Các quy định khác: Xem thêm tại Chương III - Điều 24.3, Điều 25, Điều 39, Điều 43

V. Ô PHỐ K-P8

1. Ký hiệu ô phố: K-P8

Đường: E4, Nguyễn Tất Thành

Ô phố: K12, K-P2, K-13, K-P9, K-14

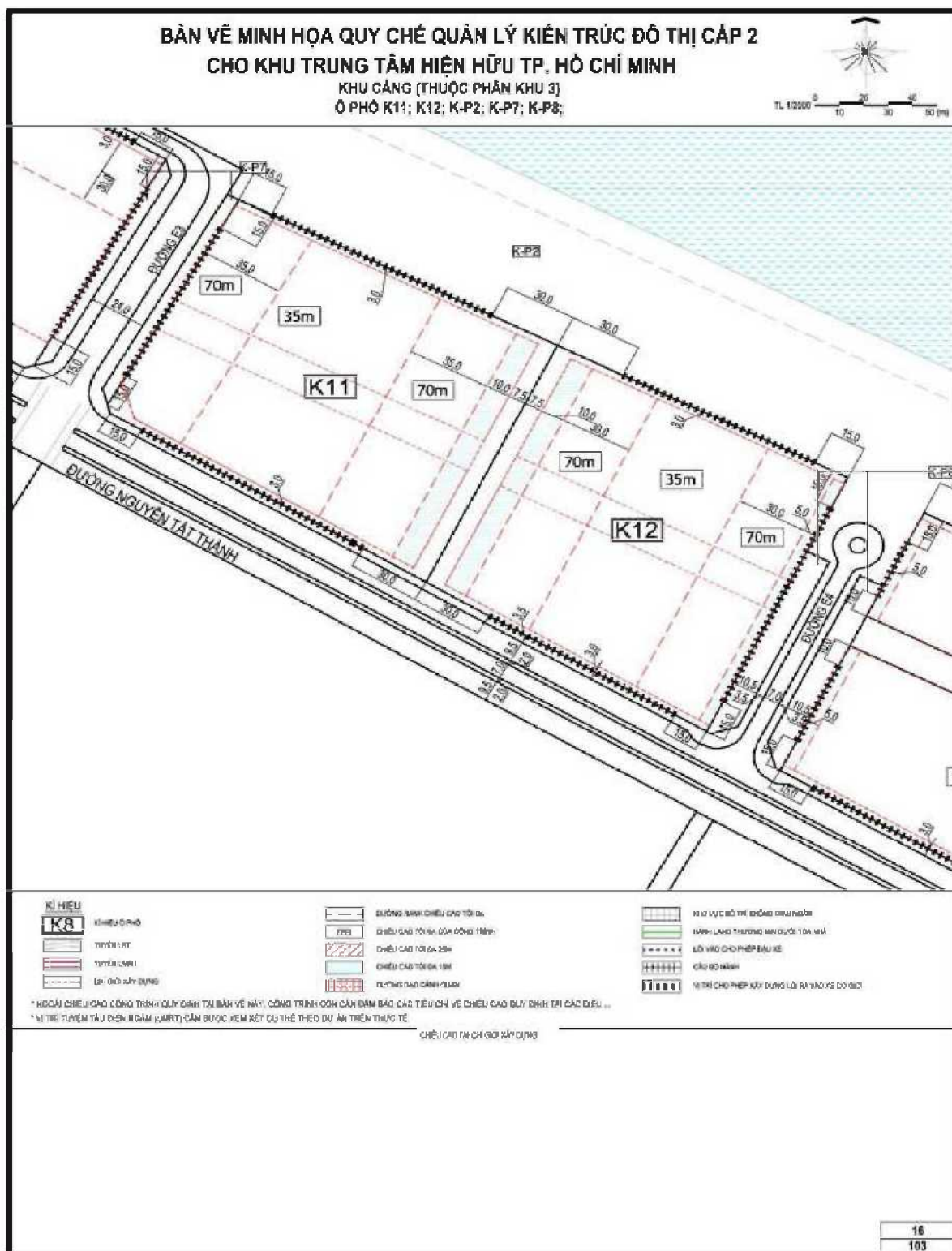
3. Diện tích ô phố khoảng: 1.869,99 m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.



QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ K13; K14; K15; K-P5; K-P9; K-P10;**I. Ô PHỐ K13**

1. Ký hiệu ô phố: K13

Đường: E4

Ô phố: K-P2, K-P9, K-P5

3. Diện tích ô phố khoảng: 7.614,55m²

4. Dân số cho toàn ô phố: 500 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 30m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 3,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ K14

1. Ký hiệu ô phố: K14

Đường: E4, Nguyễn Tất Thành

Ô phố: K-P9, K-P5

3. Diện tích ô phố khoảng: 9.834,96m²

4. Dân số cho toàn ô phố: - người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 15m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 1,50

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ K15

1. Ký hiệu ô phố: K15

Đường: E6

Ô phố: K-P2, K-P5

3. Diện tích ô phố khoảng: 13.463,49m²

4. Dân số cho toàn ô phố: - người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 30m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 3,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ K-P5

1. Ký hiệu ô phố: K-P5

Đường: Nguyễn Tất Thành

Ô phố: K-P2, K-P9, K13, K14, K15

3. Diện tích ô phố khoảng: 7.081,46m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

V. Ô PHỐ K-P9

1. Ký hiệu ô phố: K-P9

Đường: E4

Ô phố: K13, K14, K-P5

3. Diện tích ô phố khoảng: 2.173,07m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VI. Ô PHỐ K-P10

1. Ký hiệu ô phố: K-P10

Đường: E6, E7, Nguyễn Tất Thành

Ô phố: K15, K16, K18

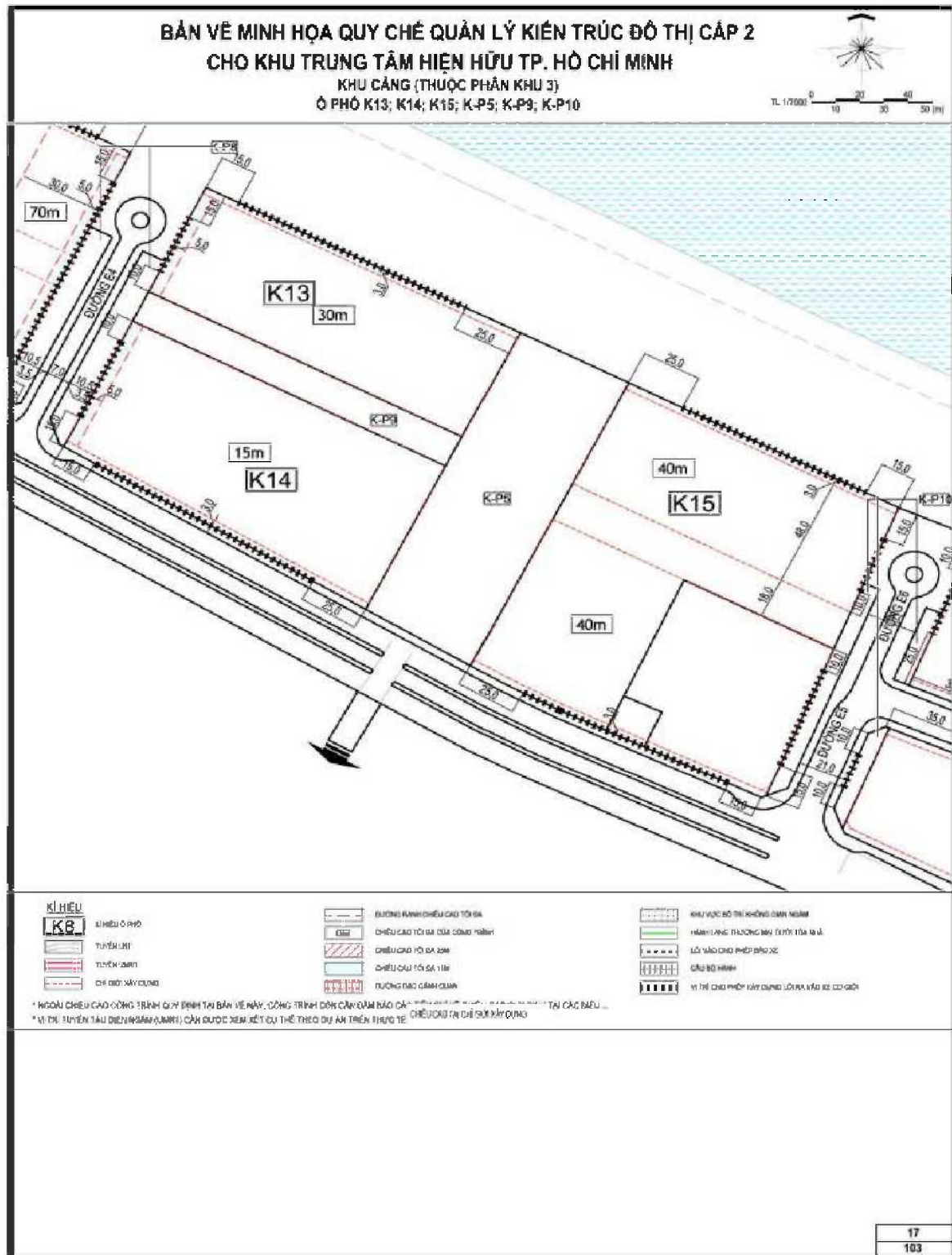
3. Diện tích ô phố khoảng: 1.257,49m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.



**QUY ĐỊNH CU THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ K16: K17: K18: K19: K-P3:
K-P14:**

I. Ô PHỐ K16

1. Ký hiệu ô phố: K16

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: E6, E7

Ô phố: K-P14, K-P3, K17

3. Diện tích ô phố khoảng: 15.793,91m²

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 20m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 2,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ K17

1. Ký hiệu ô phố: K17

Đường: E7

Ô phố: K-P3, K16

3. Diện tích ô phố khoảng: 3.420,74m²

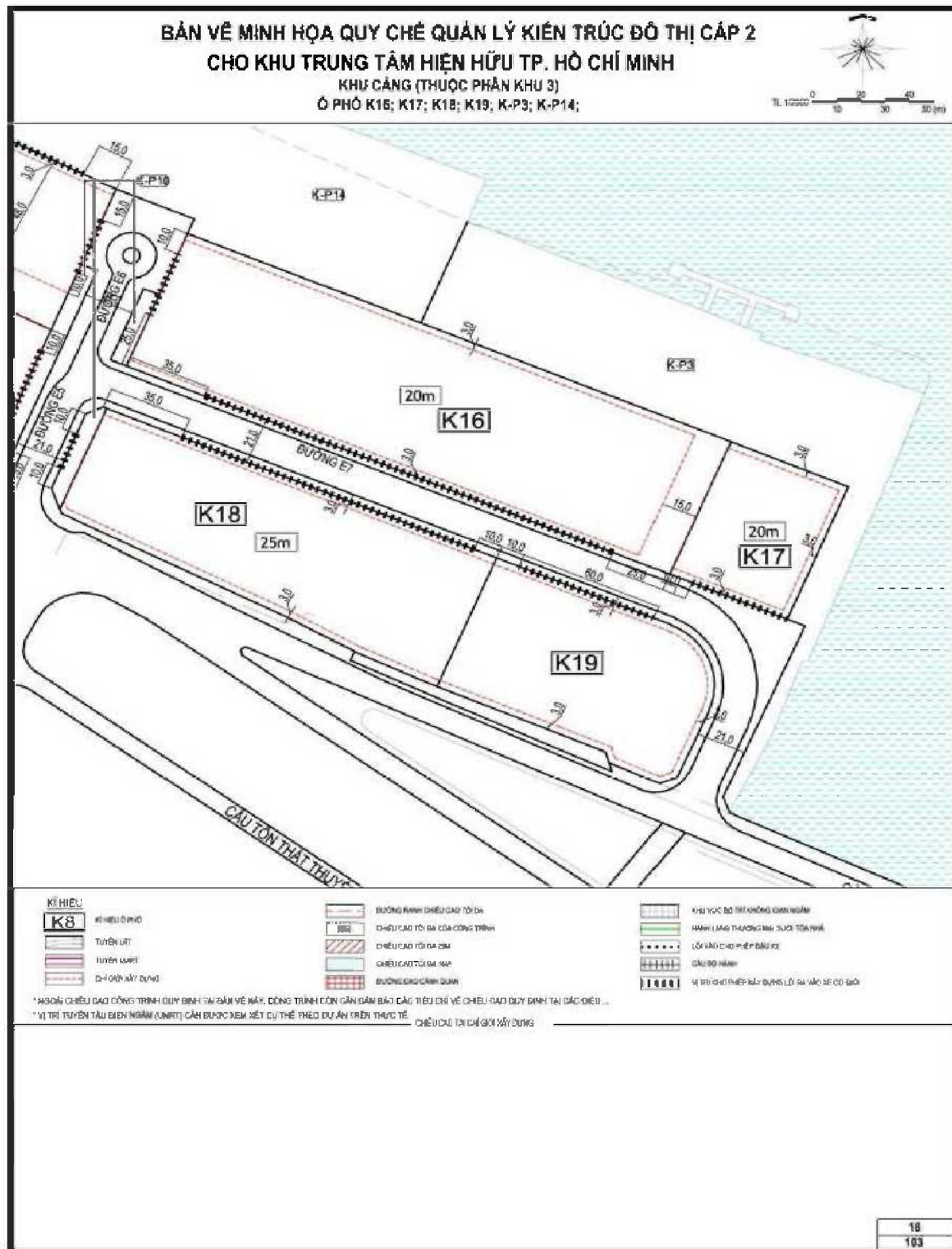
4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 20 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 2,0

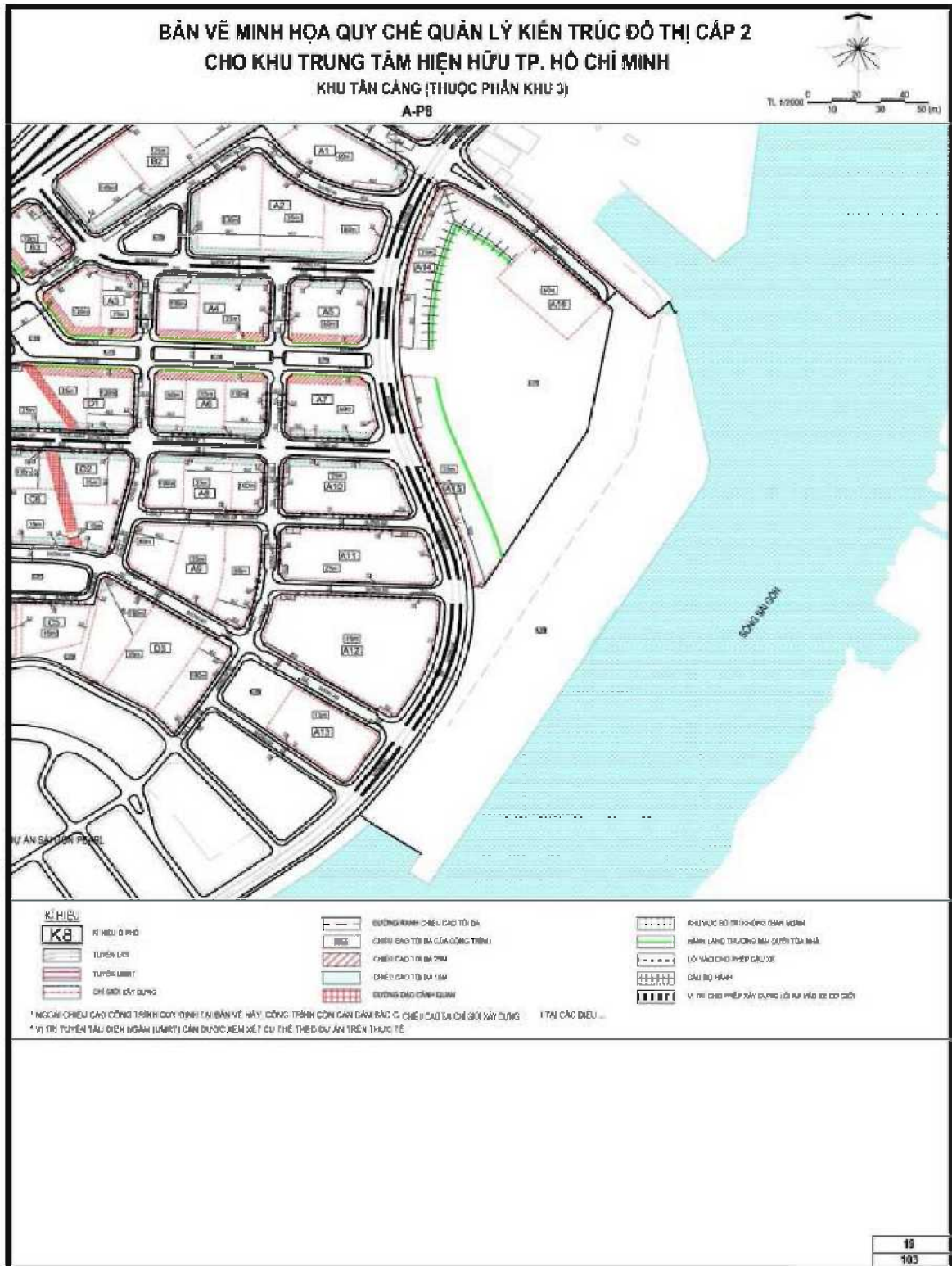
Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.



QUY ĐỊNH CU THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ A-P8**I. Ô PHỐ A-P8**

1. Ký hiệu ô phố: A-P8
2. Ô phố giới hạn bởi:
Đường: A40
Ô phố: A15, A-P7
3. Diện tích ô phố khoảng: 76.088,69m²
4. Dân số cho toàn ô phố:
5. Chiều cao tối đa ô phố: 4 m
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,03
7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chi giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.



(Xem tiếp Công báo số 45 + 46)